

Luật Pháp viện biên chế về tổ chức Tòa án bản xứ ở Bắc Kỳ

Nguyễn Lan Dung*

Tóm tắt: Luật Pháp viện biên chế năm 1917 là bộ luật đầu tiên về Tòa án bản xứ ở Bắc Kỳ được chính quyền thực dân Pháp ban hành trong thời kỳ thuộc địa. Bài viết phân tích những nội dung chính được đề cập đến trong Luật Pháp viện biên chế năm 1917 về cơ cấu tổ chức, chức năng của Tòa án bản xứ ở Bắc Kỳ, từ đó rút ra một số nhận xét về mục tiêu “cải cách” tư pháp tại Bắc Kỳ của thực dân Pháp những năm sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Từ khóa: Luật Pháp viện biên chế; lịch sử cận đại; Tòa án bản xứ; Bắc Kỳ.

1. Mở đầu

Ngày 16 tháng 7 năm 1917, Khải Định ban *Dụ về Chế độ tư pháp đối với người bản xứ ở Bắc Kỳ không thuộc phạm vi xét xử của Tòa Tây án* (các bộ luật được ban hành kèm theo *Dụ* ngày 16 tháng 7 năm 1917 gồm: Luật Pháp viện biên chế, Luật tố tụng dân sự thương sự, Luật tố tụng hình sự và Luật hình) *Dụ* ngày 16 tháng 7 năm 1917 được coi là văn bản pháp lý quan trọng cho cuộc “cải cách” tư pháp ở Bắc Kỳ của thực dân Pháp cùng với những “cải cách” khác trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội những năm sau Chiến tranh thế giới thứ nhất nhằm ổn định thuộc địa, ngăn chặn và đàn áp các phong trào đấu tranh của quần chúng. Trong số các bộ luật được chính thức ban hành kèm theo *Dụ*, đáng chú ý nhất là Luật Pháp viện biên chế - bộ luật đầu tiên được biên soạn vào thời kỳ thuộc địa có liên quan trực tiếp đến các cấp tòa án thuộc loại hình tư pháp dành cho người bản xứ ở Bắc Kỳ - một trong hai bộ phận làm nên hệ thống tư pháp ở Việt Nam thời thuộc địa, cùng với loại hình tư pháp dành cho

người Âu. Luật gồm 5 Chương với 22 Điều, cụ thể như sau: Chương 1 về Tòa đệ nhất cấp (10 Điều); Chương 2 về Tòa đệ nhị cấp (3 Điều); Chương 3 về Tòa đệ tam cấp (1 Điều); Chương 4 về Quan kỹ (4 Điều) và Chương 5 về Thẩm quyền của các tòa án (3 Điều). Luật Pháp viện biên chế được coi là cơ sở cho việc tổ chức và vận hành của hệ thống tư pháp bản xứ ở Bắc Kỳ trong vòng ít nhất 10 năm kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (cơ cấu tổ chức, chức năng của Tòa án bản xứ ở Bắc Kỳ sau đó còn được điều chỉnh theo *Dụ* ngày 7 tháng 6 năm 1923 của Khải Định và Nghị định ngày 24 tháng 6 năm 1926 của Thống sứ Bắc Kỳ nhưng về cơ bản vẫn tuân thủ theo những điều khoản của Luật Pháp viện biên chế được ban hành năm 1917). Bài viết đề cập tới cơ cấu tổ chức và chức năng của Tòa án bản xứ Bắc Kỳ được quy định trong Luật Pháp viện biên chế năm 1917.

(*) Tiến sĩ, Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 0984638708.
Email: nguyenlandung@gmail.com.

2. Đối tượng của hệ thống tư pháp bản xứ

Vào thời kỳ thuộc địa, ở Việt Nam tư pháp được phân thành hai nhóm là tư pháp dành cho người Âu và tư pháp dành cho người bản xứ. Việc xác định đối tượng tư pháp (người Âu hay người bản xứ) là cơ sở cho việc áp dụng loại hình tư pháp tương ứng với từng loại đối tượng - tức là xác định hệ thống bộ luật xét xử và loại hình tòa án (tư pháp dành cho người Âu sử dụng bộ luật của nước Pháp, loại hình Tòa Tây án; tư pháp dành cho người bản xứ sử dụng *Bộ Hoàng Việt luật lệ sửa đổi*, loại hình tòa án bản xứ hay còn gọi là Tòa Nam án). Với đặc tính là xứ bảo hộ, ở Bắc Kỳ thực dân vẫn duy trì đồng thời hai hệ thống tư pháp là tư pháp dành cho người Âu và tư pháp dành cho người bản xứ trong đó tư pháp bản xứ là bộ phận đặc biệt quan trọng, bởi nó liên quan đến gần như đại bộ phận dân chúng ở Bắc Kỳ.

Về đối tượng của hệ thống tư pháp bản xứ ở Bắc Kỳ, Luật Pháp viện biên chế định rằng: “Trong xứ Bắc Kỳ, trừ ra thành phố Hà Nội và Hải Phòng, bao nhiêu quốc dân An Nam không phải sở thuộc Tòa án Đại Pháp thì thuộc về quyền tư pháp của các Tòa Nam án” [1, tr.20]. Theo nội dung đó, đối tượng “thuộc quyền tư pháp của các Tòa Nam án” trước hết là người có quốc tịch Đông Dương. Trong *Hộ luật giải nghĩa*, khái niệm “người có quốc tịch Đông Dương” được tác giả Lê Văn Hiến giải thích: “Những người bất câu rằng đẻ ở nước Nam hay ở ngoại quốc, nhưng cha là người An Nam hay mẹ là người An Nam mà không biết cha là ai hay là người dân nước nào; những người về nòi giống Á châu đẻ ở Nam nhưng không biết cha mẹ là ai, hay không biết cha mẹ là người nước nào” [1, tr.20 - 21]. Trường hợp thứ hai là các bên

đương sự có nguồn gốc Đông Dương và có nguyên quán ở Bắc Kỳ, tức là một trong những bên liên quan không phải là người bản xứ có nguyên quán tại Nam Kỳ hay các thành phố nhượng địa của Pháp (gồm Hà Nội, Đà Nẵng và Hải Phòng).

Luật cũng xác định các trường hợp đặc biệt mà Tòa Nam án không có thẩm quyền can thiệp. Đó là các vụ tranh chấp mà một bên là dân bản xứ Bắc Kỳ, còn một trong những bên đương sự còn lại có nguồn gốc tại Nam Kỳ hoặc các thành phố nhượng địa của Pháp; vụ kiện có liên quan đến công sở của nhà nước bảo hộ; vụ kiện giữa một bên là người bản xứ và bên còn lại không được xếp vào người bản xứ (người Âu, những người được coi như người Âu, người thuộc dân Đại Pháp, những người không mang quốc tịch An Nam).

Ngoài những quy định đã được đặt ra trong Luật Pháp viện biên chế, *Sắc lệnh* của Tổng thống Pháp bổ sung thêm các trường hợp ngoại lệ như: những người bản xứ đi lính được xếp vào hạng quân thuộc địa tại ngũ (*Sắc lệnh* ngày 9 tháng 3 năm 1909); các đương sự tình nguyện đưa vụ kiện về dân sự, thương sự sang Tòa Tây án.

3. Cơ cấu tổ chức, chức năng của Tòa án bản xứ ở Bắc Kỳ

Theo Luật Pháp viện biên chế, Tòa án bản xứ ở Bắc Kỳ được chia theo cấp đơn vị hành chính, gồm 3 cấp như sau: Tòa đệ nhất cấp, Tòa đệ nhị cấp và Tòa đệ tam cấp.

3.1. Tòa đệ nhất cấp

Cơ cấu tổ chức, chức năng của Tòa đệ nhất cấp được quy định từ Điều 2 đến Điều 11 Chương 1 của Luật Pháp viện biên chế [7, tr.1091 - 1092].

Theo luật mới, mỗi đơn vị hành chính cấp phủ, huyện phải có ít nhất một tòa án, được gọi là Tòa đệ nhất cấp, tương đương

với Toà án cấp phủ, huyện của thời kỳ phong kiến. Tòa đệ nhất cấp là cấp thấp nhất trong hệ thống Tòa án bản xứ.

Về tổ chức, Tòa đệ nhất cấp nằm trong sự điều hành của tri phủ/tri huyện của hạt hành chính đó (được gọi là Thẩm phán). Như vậy, cách thức tổ chức của Tòa đệ nhất cấp vẫn được dựa trên mô hình của Tòa án phủ, huyện vốn tồn tại từ thời kỳ phong kiến, tức là không có sự phân biệt giữa quan cai trị và quan tư pháp. Ngoài ra, tại những hạt hành chính là trị sở của Tòa đệ nhị cấp, Thẩm phán Tòa đệ nhất cấp có thể do thẩm phán của Tòa đệ nhị cấp đảm nhiệm. Điều 3 Luật Pháp viện biên chế cũng định rõ, trong trường hợp cần thiết, vị Thẩm phán duy nhất của Tòa đệ nhất cấp có thể được thay thế bằng một viên quan ngạch tư pháp có cấp bậc thấp hơn do Thống sứ Bắc Kỳ chỉ định dựa trên ý kiến tham khảo của người đứng đầu cơ quan tư pháp bản xứ của Bắc Kỳ [4, tr.27].

Giúp đỡ cho tri phủ/tri huyện trong các công việc tư pháp là một viên Lục sự (thư ký tòa) do Thống sứ chỉ định.

Về thẩm quyền, chức năng chính của Tòa đệ nhất cấp là thực hiện việc hòa giải. Theo quy định trước đây, các vụ việc dân sự trước tiên phải do chức dịch làng xã, chức dịch tổng giải quyết theo hướng hòa giải, điều đình lại lợi ích giữa các bên liên quan. Trong trường hợp chính quyền tổng không thể giải quyết, vụ việc sẽ được chuyển lên Tòa án phủ, huyện để giải quyết nhưng cũng theo cách thức chính là hòa giải. Nếu việc hòa giải không đạt kết quả, tri phủ/tri huyện sẽ chuyển hồ sơ vụ kiện lên tòa án tỉnh và vụ việc dân sự này sẽ được chuyển thành vụ việc hình sự [1, tr.17]. Trong luật mới, chức năng hòa giải tiếp tục được chú trọng.

Luật Pháp viện biên chế quy định thẩm quyền của Tòa đệ nhất cấp như sau: Về mặt dân sự và thương mại: tòa có chức năng xét xử sơ thẩm và chung thẩm các vụ án có giá trị tranh chấp dưới 30 đồng Đông Dương; các khiếu kiện về lệ phí phát sinh tại nha môn. Về vi cảnh: tòa xử chung thẩm trong trường hợp các bản án không tuyên án phạt tù và xử sơ thẩm trong trường hợp ngược lại (phạt giam từ 1 ngày đến 5 ngày, phạt tiền dưới 6 đồng). Về tiểu hình (tội nhẹ) và các vụ hình sự, trong phạm vi xét xử của mình, Thẩm phán Tòa đệ nhất cấp có nhiệm vụ xem xét và truy tố tất cả những người bản xứ phạm tội và thi hành các mệnh lệnh của chính quyền cấp trên liên quan đến các hoạt động phạm pháp của người bản xứ.

Bên cạnh việc được giao phụ trách điều hành Tòa đệ nhất cấp, các viên Thẩm phán Tòa đệ nhất cấp còn có các nghĩa vụ tư pháp với tòa án cấp trên. Về việc dân sự thương sự, các Thẩm phán phải thi hành những mệnh lệnh do Toà đệ nhị cấp ủy thác để giúp việc dự thẩm, thay Toà đệ nhị cấp giải quyết những công việc trong phạm vi của mình [4, tr.177]. Về hình sự (ngoài các vụ vi cảnh thuộc thẩm quyền xét xử của mình), thẩm phán Tòa đệ nhất cấp cũng đồng thời là những nhà điều tra, truy xét tất cả các vụ phạm tội liên quan đến người bản xứ (thuộc thẩm quyền của Tòa đệ nhất cấp), thực hiện các mệnh lệnh của chính quyền cấp trên về các hoạt động được gọi là cảnh sát tư pháp. Đối với các vụ việc liên quan đến địa hạt do mình quản lý mà thuộc quyền xét xử của Tòa đệ nhị cấp, tri phủ/tri huyện phải tiến hành triệu tập đương sự, những người liên quan trong các vụ việc, đưa giấy gọi hầu tòa, thực hiện các bản án, điều tra, khám xét, tịch biên, thu thập bằng chứng, truy tìm người bản xứ bị kết án, thu

án phí và tiền phạt... để phục vụ cho việc xét xử và luận tội của Chánh án Tòa đệ nhị cấp. Đặc biệt, khi xảy ra các vụ án hình sự, tri phủ/tri huyện phải thông tin ngay cho Chánh án trong thời gian ngắn nhất.

Tại một số châu ở khu vực miền núi, thẩm quyền của Thẩm phán Tòa đệ nhị cấp sẽ do Toàn quyền Đông Dương quyết định dựa trên ý kiến của Thống sứ Bắc Kỳ và Chương biện lý (người đứng đầu cơ quan tư pháp Đông Dương - Nha Tư pháp Đông Dương).

Theo Điều 11, trong một tuần, Thẩm phán Tòa đệ nhất cấp ít nhất phải mở hai phiên tòa xét xử các vụ khiếu kiện trong địa hạt do mình quản lý vào các ngày chủ nhật hoặc ngày lễ. Trong trường hợp có quá nhiều vụ việc xảy ra, Thẩm phán có thể chủ động tăng số buổi xét xử. Các phiên tòa có thể diễn ra vào các ngày chợ phiên, khi cần thiết, có thể mở phiên tòa ở ngoài nha môn để người dân các địa phương đến thưa kiện.

3.2. Tòa đệ nhị cấp

Cơ cấu tổ chức, chức năng của Tòa đệ nhị cấp được quy định từ Điều 12 đến Điều 14 Chương 2 Luật Pháp viện biên chế [7, tr.1092].

Tòa đệ nhị cấp là cấp tiếp theo trong hệ thống Tòa án bản xứ. Mỗi tỉnh chỉ có một Tòa đệ nhị cấp, được đặt tại tỉnh lỵ nên Tòa đệ nhị cấp còn được gọi là Tòa án tỉnh.

Về tổ chức, theo chương trình “cải cách” tư pháp của chính quyền thực dân được quy định trong *Dụ* năm 1917 và Điều 12 Luật Pháp viện biên chế, người đứng đầu phụ trách Tòa đệ nhị cấp được gọi là Chánh án và vị trí này được giao cho Công sứ hoặc Đại biện mỗi tỉnh. Trong trường hợp Công sứ, Đại biện không thể đảm nhận thì chức vụ này sẽ được chuyển giao cho viên Phó Công sứ, hoặc một quan toà người Pháp

thuộc Nha Tư pháp Đông Dương được biệt phái tạm thời gọi là Đại lý Chánh thẩm phán hay Phó Chánh án. Như vậy, về mặt nguyên tắc, chức vụ cao nhất trong Tòa đệ nhị cấp thuộc về viên chức hành chính - Công sứ. Với cuộc “cải cách” tư pháp này, rõ ràng Công sứ được trao thêm một quyền lực quan trọng về tư pháp, đảm bảo cho viên Công sứ này vừa là viên quan cai trị về mặt hành chính, vừa là viên quan cai trị về mặt tư pháp. Trên một khía cạnh nhất định, đây là mô hình có phần lặp lại với cách tổ chức hành chính - tư pháp ở cấp phủ, huyện. Việc đưa viên chức người Pháp vào vị trí đứng đầu cơ quan tư pháp cấp tỉnh được chính quyền thực dân biện hộ như sau: “Các quan An Nam thường hay hết sức ngăn ngừa cho người đương sự không dám lên kháng cáo tận Tòa Thượng thẩm...; lại thêm một điều nữa là các quan án An Nam không chịu đặt phiên tòa công theo ngày giờ nhất định... Muốn sửa chữa cái tệ ấy, chỉ có một cách, là giao cho quan Tây quyền xử các việc quan trọng, đợi cho đến ngày phong hội tiến hóa, trình độ dân đã cao, có thể giao quyền tư pháp cho người bản xứ được” [5, tr.264].

Trong kết cấu mới của Tòa đệ nhị cấp, ngoài viên Chánh án và Phó Chánh án người Pháp, còn có sự hiện diện của một Phó Thẩm phán bản xứ do viên chức bản xứ cấp tỉnh cấp bậc cao nhất (Tổng đốc hay Tuần phủ) đảm nhận theo sự bổ nhiệm của Toàn quyền Đông Dương và đề xuất của Thống sứ Bắc Kỳ. Mặc dù vậy, khi giải quyết các công việc tư pháp, Phó Thẩm phán được phép bàn bạc nhưng quyền quyết định thuộc về Chánh án hoặc Phó Chánh án.

Tại những tỉnh được đánh giá là quan trọng nhất của Bắc Kỳ, bên cạnh Phó Thẩm phán còn có thêm một viên chức ngạch

hành chính bản xứ - thấp nhất là Án sát, giữ chức Thẩm cứu, thuộc sự chỉ đạo trực tiếp của Chánh án (giúp Chánh án điều tra vụ án hình sự). Thẩm cứu trong mọi trường hợp không được phép tham gia vào quá trình quyết nghị tại tòa.

Như vậy, trong hệ thống tư pháp mới, chính quyền thực dân vẫn duy trì vị trí của Án sát, tuy nhiên vai trò và vị trí của viên chức tư pháp bản xứ này đã thay đổi hoàn toàn so với giai đoạn trước năm 1917. Án sát từ vị trí là người đứng đầu hệ thống tư pháp bản xứ, nắm giữ chức vụ điều hành phiên tòa thì nay chỉ còn vai trò là người hỗ trợ tư pháp cho viên chức tư pháp người Pháp, do đó cũng không còn chức năng xét xử. Trong những trường hợp đặc biệt, Án sát có thể được Công sứ ủy nhiệm một số việc về tổ chức chính quyền.

Tóm lại theo Luật Pháp viện biên chế năm 1917, về mặt nhân sự, tổ chức tại Tòa đệ nhị cấp có sự xuất hiện của 4 viên chức mới giữ chức năng tư pháp (hai người Âu là Chánh án, Phó Chánh án và hai người bản xứ là Phó Thẩm phán, Thẩm cứu) và chỉ có Án sát là theo hệ thống cũ nhưng chức năng đã được thay đổi (mô hình tổ chức Tòa đệ nhị cấp như vậy tồn tại đến năm 1923 thì được điều chỉnh khi *Dụ* ngày 7 tháng 6 năm 1923 về việc tổ chức lại chính quyền bản xứ Bắc Kỳ và *Dụ* ngày 7 tháng 6 năm 1923 về việc sửa đổi điều 12 và 13 của Luật Pháp viện biên chế được ban hành).

Như vậy, sự hiện diện của Công sứ với tư cách là Chánh án và một viên chức tư pháp người Pháp với vai trò là Phó Chánh án trong tổ chức tư pháp chính là sự quay lại hình thức tổ chức tư pháp vốn đã được thực dân Pháp đưa ra triển khai trong thực tế từ đầu thế kỷ XX nhưng không thành

công (Trước năm 1905, Công sứ được quyền can thiệp vào việc án ở toà án tỉnh tại Bắc Kỳ. Từ năm 1905, theo *Sắc lệnh* ngày 31 tháng 8 năm 1905 Án sát được quyền độc lập xét xử mà không chịu sự chi phối của Công sứ).

Cũng giống như tại Toà đệ nhất cấp, giúp việc tại Tòa đệ nhị cấp là các Lục sự do Thống sứ Bắc Kỳ bổ nhiệm. Luật Pháp viện biên chế không quy định rõ mỗi Tòa đệ nhị cấp được bổ sung bao nhiêu Lục sự nhưng thông thường tại các tỉnh lớn có 2 Lục sự trong đó một Lục sự phụ trách việc dân sự, thương sự và một Lục sự phụ trách việc hình sự. Luật cũng không định rõ điều kiện tuyển dụng với những người giữ chức Lục sự.

Về thẩm quyền, thẩm quyền của Tòa đệ nhị cấp theo Luật Pháp viện biên chế năm 1917 được xác định khá sơ lược như sau: Về sơ thẩm: tòa được quyền giải quyết các vụ tranh chấp dân sự hoặc thương sự không xác định giá trị hoặc có giá trị hơn 10 đồng; các vụ tiểu hình. Về chung thẩm: tòa xét xử các vụ dân sự, thương sự mà giá trị nhỏ hơn 10 đồng.

Luật Pháp viện biên chế không quy định số phiên tòa tối đa mà Toà đệ nhị cấp phải mở trong mỗi tuần mà giao toàn quyền cho viên Chánh án. Tuy vậy, trong mỗi tuần, Chánh án phải mở ít nhất một phiên tòa và gửi bản trích lục các vụ hình sự lên Chương lý (thuộc Tòa đệ tam cấp).

3.3. Tòa đệ tam cấp

Điều 15, Chương 3 Luật Pháp viện biên chế quy định cơ cấu, chức năng của Toà đệ tam cấp trong hệ thống Tòa án bản xứ ở Bắc Kỳ [7, tr.1093].

Theo Luật Pháp viện biên chế năm 1917, Phòng Bốn thuộc Toà Thượng thẩm Đông

Dương đóng vai trò là Tòa đệ tam cấp. Trong ba cấp tòa án thuộc loại hình Tòa án bản xứ ở Bắc Kỳ, Tòa đệ tam cấp là cấp tòa án có phạm vi bao trùm rộng khắp toàn bộ các tỉnh Bắc Kỳ và được hình thành từ trước khi Luật Pháp viện biên chế được ban hành. Phòng Bốn được thành lập theo *Sắc lệnh* ngày 31 tháng 8 năm 1905, đặt tại Hà Nội do một Phó Chánh án Tòa Thượng thẩm Đông Dương và hai Thẩm nghị phụ trách. Ngoài ra, Phòng Bốn còn có sự góp mặt của hai quan bản xứ - những người có quyền biểu quyết và được bổ nhiệm theo sự giới thiệu của Thống sứ Bắc Kỳ và Chương biện lý [11, tr.1341]. Tuy nhiên, Phòng Bốn chỉ tồn tại đến tháng 5 năm 1919 thì bị bãi bỏ và thay thế cho nó là Phòng Nhì thuộc Tòa Thượng thẩm Hà Nội [4].

Theo *Sắc lệnh* ngày 31 tháng 8 năm 1905, Phòng Bốn có chức năng giải quyết các vụ việc của người bản xứ ở Bắc Kỳ. Trong Luật Pháp viện biên chế, thẩm quyền của Phòng Bốn - Tòa đệ tam cấp được quy định rõ ràng hơn. Tòa đệ tam cấp có thẩm quyền: giải quyết những vụ kháng cáo chống lại bản án sơ thẩm do các Tòa đệ nhị cấp xét xử, yêu cầu xin thủ tiêu án chung thẩm hoặc xin tái thẩm các bản án của Tòa đệ nhất cấp và Tòa đệ nhị cấp theo Luật tố tụng hình sự. Các viên chức tư pháp thuộc các Tòa án bản xứ (gồm Thẩm phán, Bồi thẩm, Trợ thẩm), trong trường hợp phạm tội (khinh tội, trọng tội) sẽ là đối tượng xét xử của Tòa đệ tam cấp. Tòa đệ tam cấp cũng thẩm định yêu cầu xin cáo tị (cáo tị là trường hợp các bên liên quan đề nghị không cho phép một Thẩm phán xét xử vụ việc liên quan đến mình trong các trường hợp: Thẩm phán có quan hệ họ hàng với một trong các bên nguyên đơn hoặc bị đơn;

Thẩm phán và đương sự đã có tranh chấp về quyền lợi; Thẩm phán đã từng xét xử vụ kiện của một trong những bên liên quan mà thời điểm vụ việc xảy ra chưa quá một năm), hồi tị (hồi tị là trường hợp Thẩm phán xin không xét xử một vụ việc mà mình đã từng xét xử trước đó) liên quan đến Thẩm phán Tòa đệ nhị cấp, Tòa đệ tam cấp [7, tr.1093].

Khác với quy cách tổ chức phiên tòa tại các Tòa đệ nhị cấp và Tòa đệ nhất cấp, thủ tục tổ chức xét xử ở Tòa đệ tam cấp được tiến hành giống các phiên tòa ở Tòa Tây án. Đây là cấp tòa duy nhất trong hệ thống Tòa án bản xứ được phép có Trạng sư biện hộ và đại diện của cơ quan công tố - Chương lý. Theo quy định, trong mỗi phiên tòa, Thẩm nghị ngồi ở giữa, bên trái là viên Lục sự, bên phải là Chương lý, bên dưới là chỗ đứng của các bên liên quan; phía sau là vị trí của công chúng đến dự phiên tòa. Viên chức tư pháp tại Tòa đệ tam cấp mặc trang phục riêng. Tất cả những người được triệu tập đến tòa khi trình bày đều phải đứng. Chương lý phải đứng khi trình bày tại tòa [1, tr.9].

Báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động của nền tư pháp bản xứ do Chương biện lý, Nam án thủ hiến Bắc Kỳ (người đứng đầu cơ quan quản lý các vấn đề tư pháp liên quan đến người bản xứ ở Bắc Kỳ) soạn thảo sẽ được gửi tới Toàn quyền Đông Dương và Hội đồng Cơ mật.

4. Trách nhiệm của quan chức, nhân viên tư pháp

Cùng với việc thiết lập cơ cấu tổ chức, quyền hạn của các cấp tòa án thuộc hệ thống tư pháp bản xứ, Luật Pháp viện biên chế năm 1917 đồng thời quy định các hình thức kỷ luật với các viên chức tư pháp trong trường hợp có sự vi phạm (các Điều 16, 17,

18 và 19) [7, tr.1093] (bên cạnh các quy định dành cho người bản xứ theo các bộ luật lưu hành).

Theo nguyên tắc, viên chức bản xứ thuộc Tòa đệ nhất cấp do Thống sứ Bắc Kỳ bổ nhiệm, thuộc Tòa đệ nhị cấp và Tòa đệ tam cấp do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm nhưng Nam án thủ hiến Bắc Kỳ mới là người chịu trách nhiệm quản lý các viên chức này.

Do vậy, thông qua Nghị định của Toàn quyền Đông Dương, chiếu theo ý kiến của Chương lý Tòa Thượng thẩm, Nam án thủ hiến Bắc Kỳ có quyền giải quyết các vụ việc liên quan đến nhân viên tư pháp bản xứ (gồm Thẩm phán, Bồi thẩm, Lục sự và các viên chức phụ thuộc).

Nam án thủ hiến Bắc Kỳ được quyền thông báo, triệu tập những viên chức không hoàn thành nhiệm vụ và ban hành các hình thức kỷ luật tương ứng với mức độ vi phạm. Trong trường hợp các viên chức này không thay đổi và vẫn tiếp tục lặp lại những sai phạm, hoặc nếu hình thức kỷ luật chưa thích hợp và mức độ vi phạm có thể ảnh hưởng đến tư cách tư pháp của các viên chức này tại tòa, Nam án thủ hiến có thể tùy tình hình áp dụng các hình thức kỷ luật như sau: phê bình; phê bình kèm khiển trách; tạm đình chỉ chức vụ trong thời gian không quá 3 tháng. Các hình phạt phê bình và phê bình kèm khiển trách do Nam án thủ hiến Bắc Kỳ công bố. Hình phạt tạm đình chỉ chức vụ được ban hành dựa trên ý kiến của Chương lý, Thống sứ Bắc Kỳ với trường hợp người vi phạm là Thẩm phán, Bồi thẩm thuộc Tòa đệ nhất cấp và của Toàn quyền Đông Dương với các trường hợp khác.

Nhân viên hành chính và tư pháp các cấp có thẩm quyền chịu trách nhiệm chuyển các

đơn khiếu nại, tố cáo có liên quan đến trọng tội, khinh tội của Thẩm phán, Bồi thẩm bản xứ cho Nam án thủ hiến Bắc Kỳ. Sau khi có kết quả điều tra cụ thể do Nam án thủ hiến Bắc Kỳ hoặc người đại diện thực hiện, Nam án thủ hiến Bắc Kỳ có thể triệu tập và trực tiếp mở phiên toàn xét xử chính thức những viên chức này tại Tòa đệ tam cấp.

Ngoài ra, các Ký lục, những người làm công trong dinh thự của quan cai trị bản xứ, trong mọi trường hợp không được đảm nhận bất cứ chức vụ nào của ngạch tư pháp nếu không được Thống sứ Bắc Kỳ chỉ định.

5. Kết luận

Trên cơ sở phân tích các nội dung chính của Luật Pháp viện biên chế ban hành năm 1917 về Tòa án bản xứ ở Bắc Kỳ như đã trình bày ở trên, có thể rút ra một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, về mặt hình thức, Tòa đệ nhất cấp, Tòa đệ nhị cấp và Tòa đệ tam cấp được xếp vào loại hình Tòa án bản xứ; nhưng, ngoại trừ Tòa đệ nhất cấp thì tại các Tòa đệ nhị cấp, Tòa đệ tam cấp, người nắm vai trò điều khiển và quyết định - như quy định trong văn bản pháp quy của chính quyền thuộc địa cũng như trong cả hoạt động trên thực tế, lại là những đại diện quyền lực của thực dân Pháp chứ không phải người bản xứ: ở Tòa đệ nhị cấp là Công sứ, Phó Công sứ hoặc Phó Chánh án; ở Tòa đệ tam cấp là viên Trưởng Phòng Bốn người Pháp (sau là Trưởng Phòng Nhì). Trong khi đó, các viên chức người bản xứ vốn có vai trò quan trọng trong tổ chức tư pháp bản xứ cũ là Tổng đốc và Án sát đều bị đẩy xuống vai trò giúp việc cho Chánh án người Pháp và thậm chí họ còn không có quyền can thiệp vào hoạt động xét xử. Đây chính là những điểm thay đổi quan trọng trong chương trình “cải cách” tư pháp theo *Dụ* năm 1917.

Thứ hai, quá trình phân chia giữa chức năng tư pháp và chức năng hành pháp trong bộ máy chính quyền bản xứ nói chung và toà án bản xứ nói riêng là một quá trình không triệt để. Ở cấp phủ/huyện, tri phủ/tri huyện vẫn là người phụ trách cả cơ quan tư pháp và cơ quan hành pháp tại địa hạt của mình. Trong khi đó, ở cấp tỉnh, viên Công sứ bên cạnh vai trò là người đứng đầu bộ máy chính quyền cấp tỉnh giờ lại được trao thêm quyền điều hành Toà đệ nhị cấp, và trong trường hợp Công sứ không thể đảm nhiệm, vị trí này sẽ được trao cho viên chức tư pháp chuyên nghiệp. Điều đó thể hiện sự lúng túng của chính quyền thực dân trong việc phân chia giữa tư pháp và hành pháp ở cấp tỉnh mà nguyên nhân trực tiếp của nó chính là những khó khăn về tài chính và nhất là nhân sự chuyên ngành tư pháp - điều mà cho đến cuối những năm 20 của thế kỷ XX, thực dân Pháp buộc phải thừa nhận là nhân tố chính dẫn đến sự thất bại của cuộc “cải cách” tư pháp này [3, tr.97, 99].

Thứ ba, mục tiêu cao nhất của chính quyền thực dân trong cuộc “cải cách” tư pháp là nắm lấy quyền chi phối hệ thống tư pháp bản xứ thông qua hệ thống Toà án bản xứ từ cấp địa phương đến cấp xứ. Do vậy, bên cạnh việc duy trì một số yếu tố của nền tư pháp phong kiến, thực dân Pháp đã đưa vào các cấp Toà án bản xứ những yếu tố tư pháp của thực dân (từ nhân sự, bộ luật cho đến cách thức tổ chức, vận hành toà án). Không chỉ vậy, để hạn chế vai trò của viên chức bản xứ trong hoạt động xét xử, thực dân không chế thẩm quyền của Thẩm phán Toà đệ nhất cấp (tức là chỉ tập trung vào chức năng hoà giải và thừa hành mệnh lệnh của toà án cấp trên), đồng thời nói rộng thẩm quyền của Chánh án và quan toà Toà đệ nhị cấp và Toà đệ tam cấp.

Ngay khi Chiến tranh thế giới thứ nhất chuẩn bị đi đến hồi kết, thực dân Pháp đã nhanh chóng thúc đẩy các biện pháp cần thiết trong đó có việc sử dụng hệ thống tư pháp, nhằm ổn định thuộc địa, làm cơ sở cho cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai. Đối với Bắc Kỳ, Dự ngày 16 tháng 7 năm 1917 nói chung và Luật Pháp viện biên chế nói riêng được xem là một nội dung quan trọng của cuộc “cải cách” tư pháp bản xứ bởi phạm vi tác động và điều chỉnh của nó không chỉ dừng lại ở mặt văn bản thông thường mà còn là đối với toàn bộ hệ thống tư pháp bản xứ được áp dụng ở Bắc Kỳ lúc bấy giờ. Sau năm 1917, Luật Pháp viện biên chế còn tiếp tục được sửa đổi trong các năm 1918, 1921, 1923 và 1926 nhưng những nội dung cơ bản của bộ luật ban hành năm 1917 vẫn được bảo lưu, là cơ sở cho sự vận hành của Toà án bản xứ ở Bắc Kỳ trong nhiều năm sau đó.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Văn Điền (1923), *Lược khảo về bộ luật mới ở Bắc Kỳ*, Nhà in Kim Đức Giang, Hà Nội.
- [2] Bulletin officiel de l'Indochine française (1905).
- [3] Tạ Thị Thuý (Chủ biên) (2013), *Lịch sử Việt Nam 1919 - 1930*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] “Sự thi hành luật mới - Nhời hiển thị của quan Nam án thủ hiến cho các quan án đệ nhất cấp” (1918), *Nam Phong* tạp chí, số 9.
- [5] “Về luật mới” (1917), *Nam Phong* tạp chí, số 4.
- [6] *L'Organisation de la justice de l'Indochine* (1930), Imp d'Extrême-orient, Hanoi.
- [7] Journal officiel de l'Indochine française (1917), Imprimerie d'Extrême-Orient, Hanoi.

